

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST

Ngày: 22/3/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Lan Nhung;

Bà Ngô Thị Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Thu Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ Lsố 272/2021/TLST- DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị L(tên gọi khác là D), sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng “vắng mặt”.

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng “có mặt”.

Bị đơn: Vợ chồng ông Bùi Văn L, sinh năm 1966, bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L(D) và bà Lê Thị H cùng thống nhất trình bày: Ngày 19/7/2018, bà L và bà H có cho bà Nguyễn Thị Th vay số tiền là 634.300.000đ, hai bên hẹn 01 tháng sau kể từ ngày vay thì bà Th sẽ trả hết nợ gốc và lãi. Bà Th có giao cho bà L và bà H bản chính giấy chứng nhận QSDĐ số AP804408 được cấp cho vợ chồng ông L, bà Th. Đến ngày 24/7/2019, thì bà Th đã trả cho bà L và H số tiền gốc là 75.300.000đ và tiền lãi là 17.600.000đ, số tiền còn nợ lại là 559.000.000đ chưa trả. Sau đó, bà L và bà H đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà Th không trả nên bà L và bà H khởi kiện tại Tòa án. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết thì bà Th có kháng cáo.

Trong giai đoạn giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm thì ngày 05/11/2020, bà L và bà H cùng vợ chồng ông L, bà Th lập giấy thỏa thuận, ông L, bà Th chốt nhận trả cho bà L và bà H tổng cộng số tiền 350.000.000đ, trong đó ngày 05/11/2020, ông L, bà Th trả cho bà L và bà H số tiền 200.000.000đ (số tiền này thống nhất là tiền trả nợ cho bà L và bà H mỗi người là 100.000.000đ); còn 150.000.000đ hẹn 01 tháng sau tức là ngày 05/12/2020 sẽ trả hết (trong số tiền này thì số tiền ông L, bà Th trả nợ bà L là 50.000.000đ; trả nợ bà H là 100.000.000đ). Khi nào ông L, bà Th trả hết nợ thì bà L và bà H trả lại bản chính GCNQSDĐ số AP804408. Đồng thời, bà L và bà H đã rút toàn bộ đơn khởi kiện đối với ông L, bà Th tại cấp phúc thẩm và vụ án đã được đình chỉ giải quyết. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông L, bà Th không trả cho bà L và bà H số tiền 150.000.000đ còn lại như đã thỏa thuận ngày 05/11/2020, trong khi bản chính Giấy CNQSDĐ số AP804408 đã được bà L và bà H giao trả cho ông L, bà Th ngay khi ông, bà trả số tiền 200.000.000đ cho bà L và bà H. Ngày 13/10/2021, bà L và bà H nộp khởi kiện yêu cầu ông L, bà Th phải trả cho bà L và bà H số tiền là 450.737.000đ (Số tiền theo Bản án Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà tuyên buộc bà Th phải trả cho bà H và bà L là 650.737.000đ trừ đi số tiền ông L, bà Th đã trả cho bà L và bà H là 200.000.000đ vào ngày 05/11/2021). Nhưng nay bà L và bà H xác định, chỉ yêu cầu ông L, bà Th phải trả cho bà L và bà H số tiền nợ là 150.000.000đ (Trong đó số tiền nợ của bà L là 50.000.000đ, số tiền nợ bà H là 100.000.000đ); bà L và bà H đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn ban đầu với số tiền là 300.737.000đ. Ngoài ra bà Lý, bà H không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị Th trình bày: Th tế tiền nợ bà L và bà H là tiền bà Th chơi đề và nợ. Khi bà L và bà H khởi kiện thì ông, bà đã viết giấy thỏa thuận ngày 05/11/2020. Hai bên thống nhất, ông, bà nợ của bà L và bà H số tiền là 350.000.000đ. Ngày 05/11/2020 ông, bà đã trả được số nợ là 200.000.000đ, hẹn đến ngày 05/12/2020 ông, bà trả thêm cho bà L và bà H số tiền 150.000.000đ là hết nợ (trong đó nợ bà L là 50.000.000đ; nợ bà H là 100.000.000đ). Đồng thời, khi trả hết nợ thì bà L và bà H phải trả lại cho ông, bà bản chính GCNQSDĐ số AP804408. Nay nguyên đơn khởi kiện thì ông L, bà Th xác định, vợ chồng ông, bà có nợ bà L và bà H số tiền là 150.000.000đ theo giấy thỏa thuận ngày 05/11/2020 là đúng. Vợ chồng ông, bà yêu cầu bà L và bà H phải giao trả bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ số AP804408 thì ông, bà đồng ý trả cho bà L và bà H toàn bộ số tiền 150.000.000đ; trường hợp bà L và bà H không giao trả bản chính giấy CNQSDĐ thì ông, bà không đồng ý trả nợ cho bà L và bà H vì hai bên đã thống nhất viết giấy tay với nhau. Ngoài ra vợ chồng ông L, bà Th không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như nội dung trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các bên đương sự cũng như phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và bà H về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với vợ chồng ông L, bà Th;

Buộc vợ chồng ông L, bà Th phải trả cho bà L số tiền 50.000.000đ;

Buộc vợ chồng ông L, bà Th phải trả cho bà H số tiền 100.000.000đ;

Đối với bản chính giấy CNQSDĐ số AP804408 theo yêu cầu của ông L, bà Th thì đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết bằng Bản án số 120/2020/DS-PT ngày 14/9/2020 đã có hiệu lực pháp luật và được điều chỉnh theo Luật thi hành án dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc vợ chồng ông L, bà Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng số tiền phải trả cho bà L và bà H theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vợ chồng ông L, bà Th có đơn xin miễn giảm tiền án phí vì điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông L, bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa nguyên đơn bà L vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà L theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ việc bà Lý, bà H với ông L, bà Th có tranh chấp với nhau về hợp đồng dân sự vay tài sản đang được Tòa án giải quyết thì ngày 05/11/2020, giữa các bên có lập giấy thỏa thuận, thống nhất ông L, bà Th trả cho bà Lý, bà H số tiền 350.000.000đ. Tại thời điểm viết giấy thỏa thuận thì ông L, bà Th đã trả được cho bà L và bà H mỗi người 100.000.000đ, còn lại 150.000.000đ hạn ngày 05/12/2020 ông L, bà Th phải trả hết cho bà L và bà H, trong đó trả cho bà L 50.000.000đ và trả cho bà H số tiền 100.000.000đ. Tuy nhiên, quá thời hạn theo thỏa thuận mà ông L, bà Th không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên bà Lý, bà H khởi kiện. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung tranh chấp*:

[3.1] Qua xem xét các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Do bà Th có nợ tiền của bà Lý, bà H nên bà Lý, bà H đã khởi kiện bà Th ra Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã buộc bà Th phải trả cho bà Lý, bà H tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 650.737.000đ. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bà Th kháng cáo, đến ngày 05/11/2020 thì giữa bà Lý, bà H và vợ chồng ông L, bà Th đã thỏa thuận được với nhau nên hai bên đã viết giấy thỏa thuận (BL 02). Theo giấy thỏa thuận này thể hiện bà Lý, bà H đồng ý bớt cho vợ chồng ông L bà Th chỉ yêu cầu vợ chồng ông L, bà Th phải trả số tiền 350.000.000đ, cùng ngày thì vợ chồng ông L, bà Th đã trả cho bà L 100.000.000đ, trả cho bà H 100.000.000đ. Số tiền còn lại 150.000.000đ

vợ chồng ông L, bà Th cam kết 01 tháng sau là ngày 05/12/2020 sẽ trả cho bà L 50.000.000đ, trả cho bà H 100.000.000đ với điều kiện sau khi trả hết nợ thì bà Lý, bà H phải trả lại cho vợ chồng ông L, bà Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 804408 mà trước đó bà Th đã thế chấp. Sau đó, bà Lý, bà H đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà Th và bà Th đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và đơn trình bày đồng ý đối với việc bà Lý, bà H rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, ngày 12/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 05/2020/QĐ-PT hủy bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm giữa bà Lý, bà H với bà Th. Tuy nhiên, sau khi các bên viết giấy thỏa thuận thì vợ chồng ông L, bà Th đã không thực hiện đúng theo cam kết nên bà Lý, bà H đã khởi kiện.

[3.2] Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành làm việc, đối chất cũng như tại phiên tòa hôm nay thì cả vợ chồng ông L, bà Th và bà H, bà L cùng xác định, hiện nay vợ chồng ông L, bà Th còn nợ bà H số tiền 100.000.000đ và nợ bà L số tiền 50.000.000đ theo giấy thỏa thuận ngày 05/11/2020 giữa các bên là đúng. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, hơn nữa bà Lý, bà H chưa giao trả lại cho vợ chồng ông L, bà Th bản chính giấy CNQSDĐ số AP804408 nên ông bà chưa trả tiền cho bà Lý, bà H theo thỏa thuận.

[3.3] Do đó, đã có đủ cơ sở xác định, tính đến nay vợ chồng ông L, bà Th còn nợ bà L số tiền 50.000.000đ và nợ bà H số tiền 100.000.000đ theo giấy thỏa thuận ngày 05/11/2020 và đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho bà Lý, bà H vào ngày 05/12/2020 như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà Lý, bà H khởi kiện là có cơ sở chấp nhận nên cần buộc vợ chồng ông L, bà Th phải trả cho bà L số tiền 50.000.000đ và trả cho bà H số tiền 100.000.000đ là phù hợp.

[3.4] Đối với việc vợ chồng ông L, bà Th yêu cầu bà Lý, bà H phải trả lại cho vợ chồng ông bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP804408 mà bà Th đã thế chấp thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà và Bản án dân sự phúc thẩm số 120/2020/DS-PT ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP804408 bản án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này. Trường hợp các bên không tự thỏa thuận được việc giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì ông L, bà Th có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà để được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.5] Đối với việc bà Lý, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu vợ chồng ông L, bà Th phải trả số tiền 300.737.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu này là phù hợp.

[4] Về án phí: Buộc vợ chồng ông L, bà Th phải chịu số tiền án phí tương ứng số tiền phải trả cho bà H, bà L là 7.500.000đ. Do vợ chồng ông L, bà Th có đơn xin miễn, giảm án phí do có điều kiện kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương

xác nhận nên cần giảm cho ông L, bà Th ½ tiền án phí. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông L, bà Th còn phải chịu là 3.750.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 203; Điều 220 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L(D) và bà Lê Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị Th.

- Buộc vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L(D) số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*);

- Buộc vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L(D) và bà Lê Thị H về việc yêu cầu vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền 300.737.000đ.

Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự của đương sự được Th hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Buộc vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị Th phải chịu 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L(D) và bà Lê Thị H 11.015.000đ (*Mười một triệu không trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002695 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được Th hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/3/2022) nguyên đơn bà H, bị đơn vợ chồng ông L, bà Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; riêng

nguyên đơn bà Lưỡng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Huân

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Thị Lan Nhung - Ngô Thị Luân

Trần Minh Huân

